

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 421 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2020

V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Võ Lương Vân.

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Dương Xuân Đính

2/ Bà Hoàng Thị Lợi

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Hương - Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 378/2020/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2020 Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1984; (Có mặt)

HKTT: Xóm B, KN, ĐA, Hà Nội.

Nơi ở: TĐ, KN, ĐA, Hà Nội

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982; (Có mặt)

HKTT và nơi ở: Xóm B, KN, ĐA, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 27/06/2020, các lời khai bổ sung, Chị Lê Thị Tuyết N; - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh Phạm Văn T được kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau, tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội ngày 26/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, tôi đã về nhà bố mẹ để ở đội 2 TĐ, KN, ĐA, Hà Nội sinh sống. Tôi tự nhận thấy chúng tôi không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay xác định tình cảm không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Văn T.

*** Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 23/4/2014 và Phạm Duy A, sinh ngày 26/11/2016. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả hai con, trường hợp anh T cũng muốn nuôi con thì tôi đồng ý để anh T nuôi một con, tôi nuôi một con, tôi nuôi con nào cũng được. không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

*** Về tài sản chung, nhà ở, công nợ:** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Phạm Văn T Trình bày** Tôi nhất trí như lời khai của chị N về thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn và quá trình chung sống. Sau khi cưới chúng tôi về chung sống cùng nhau tại : Xóm B, Xã KN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội là nhà bố mẹ tôi. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Nay chị N muốn xin ly hôn tôi, tôi đồng ý ly hôn.

*** Về con chung:** Tôi và chị N có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 23/4/2014 và Phạm Duy A, sinh ngày 26/11/2016. Tại thời điểm hiện tại tôi yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Còn sau này có thể tôi sẽ đồng ý cho chị N nuôi con khi tôi cảm thấy yên tâm.

*** Về tài sản chung, nhà ở, công nợ:** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Lê Thị Tuyết N và anh Phạm Văn T đồng ý thuận tình ly hôn . Về con chung: có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 23/4/2014 và Phạm Duy A, sinh ngày 26/11/2016. Ly hôn, chị N, anh T thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Gia H và chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Duy A. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định.

+ Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Phạm Văn T.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 23/4/2014 và Phạm Duy A, sinh ngày 26/11/2016. Ly hôn công nhận thỏa thuận của anh T, chị N : anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Gia H và chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Duy A. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con;

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị Lê Thị Tuyết N và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Hà Nội ngày 26/07/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị N có đơn xin ly hôn với anh T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Hà Nội ngày 26/07/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở đội 2 TĐ, KN, ĐA, Hà Nội sinh sống. Chị N, anh T tự nhận thấy không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay xác định tình cảm không còn nên Chị N, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì xác định Chị N, anh T có mâu thuẫn còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm rõ đề nghị giải quyết theo pháp luật. Nếu hai vợ chồng không thể hàn gắn được thì đề nghị cho ly hôn để giải thoát cho nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành.

Căn cứ các tài liệu Tòa án thu thập có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng Chị N, anh T là có thật, vợ chồng anh chị đã ly thân mỗi người sống một nơi không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn chị N, anh T đã trầm trọng không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N, anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đều đồng ý ly hôn. Vì vậy nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[3.2] Về con chung: chị N, anh T chị có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 23/4/2014 và Phạm Duy A, sinh ngày 26/11/2016.

Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: chị N, anh T đều có thu nhập và chỗ ở ổn định và đều đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa của anh T, chị N thỏa thuận : anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Gia H , chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Duy A. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con xét thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên chấp nhận, phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi chung cho đến khi nào các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Phạm Văn T.
2. Về con chung: chị N, anh T chỉ có 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 23/4/2014 và Phạm Duy A, sinh ngày 26/11/2016 Ly hôn công nhận thỏa thuận của anh T, chị N : anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Gia H, chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Duy A. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con; kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị Lê Thị Tuyết N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016427 ngày 09/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Như vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Chị Lê Thị Tuyết N và anh Phạm Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự

- VKS Đông Anh

- THA Đông Anh.

- TAND thành phố Hà Nội

- UBND xã Cổ Loa

Võ Lương Vân

- Lưu hồ sơ.